

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/DS-ST**
Ngày 19 – 02 – 2025
“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện A, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1

Địa chỉ: Số B, phường L, quận B, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Châu V1, Giám đốc chi nhánh huyện A, tỉnh Kiên Giang II.

Địa chỉ: Tổ E, khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo tố tụng: C – P. Giám đốc chi nhánh huyện A, tỉnh Kiên Giang II. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, Kiên Giang

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Trần Hải S, sinh năm 1972 (Chồng bà L);

3.2 Chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1997 (Con ông S bà L);

3.3 Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 2002 (Con ông S bà L)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Anh S, chị Kiều T, chị Quỳnh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Ngày 25/11/2019 chị Đặng Thị L có ký kết với Ngân hàng N1 chi nhánh huyện A Hợp đồng tín dụng số 7704LAV201905970, theo đó có nội dung số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng, mục đích vay vốn là sản xuất lúa và chăn nuôi hỗn hợp, thời hạn vay 36 tháng, ngày đến hạn 20/02/2022 lãi suất ban đầu 10,5%, lãi quá hạn 150%/lãi trong hạn.

Tài sản thế chấp theo Bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm nợ vay bằng tài sản ngày 25/11/2019 gồm: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 516672, thửa số 30991.3-4.172, tờ bản đồ 3-4, diện tích 14.978m² đất tọa lạc tại Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/02/2006 đứng tên hộ ông (bà) Trần Hải S và Đặng Thị L.

Chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 03/6/2022 đến nay không trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Dư nợ gốc hiện nay tính đến ngày 17/12/2024 là: Tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 41.989.481đ, lãi chậm trả 2.117.553đ.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chị L trả nợ nhưng bà L vẫn không trả, do đó Ngân hàng làm đơn khởi kiện Tòa án để giải quyết.

Nay Ngân hàng N1 chi nhánh huyện A yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng 7704LAV201905970 ngày 25/11/2019 và yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 19/02/2025 là: tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 44.688.000đ, lãi chậm trả 2.278.652đ, tổng cộng là 141.966.652đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bà L không trả hoặc trả không đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để trả nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không trả hết nợ thì bà L có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn chị Đặng Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Chị Đặng Thị L vắng mặt nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đặng Thị L trả số tiền vay tính đến ngày 19/02/2025 số tiền 141.966.652đ, trong đó lãi trong hạn 44.688.000đ, lãi quá hạn 2.278.652đ và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N2 yêu cầu Tòa án buộc chị Đặng Thị L trả cho Ngân hàng số tiền đã vay gốc 95.000.000đ. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng số 704LAV201905970 ngày 25/11/2019 có chữ ký của bà L. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được xem là chứng cứ không phải chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định chị L có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng N1 để vay số tiền và chưa thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Do vậy, cần buộc chị L thanh toán số tiền đã vay nêu trên cho Ngân hàng là phù hợp.

Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho khoản vay trên chị Đặng Thị L ký bản cam kết thực hiện biện pháp đảm bảo nợ vay bằng tài sản là QSD diện tích đất số AC516672 diện tích 14.978 m² cấp cho hộ ông (bà) Trần Hải S và Đặng Thị L, có xác nhận của UBND xã T vào ngày 25/11/2019 diện tích đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Hợp đồng thế chấp giữa các bên tuân thủ đúng quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Do đó, trong trường hợp chị L không thanh toán hoặc thanh

toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện A theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N1 khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay tín dụng còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là *“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”*.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 7704LAV2021905970 ngày 25/11/2019 được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, được lập thành văn bản, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp. Kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập các bên có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhận thấy:

Vào ngày 25/11/2019 Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho chị L vay gốc là 100.000.000 đồng, mục đích vay vốn là sản xuất lúa và chăn nuôi hỗn hợp, thời hạn vay 36 tháng, ngày đến hạn 20/02/2022 lãi suất ban đầu 10,5%, lãi quá hạn 150%/lãi trong hạn.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 7704LAV-201905970 ngày 25/11/2019 gồm: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 516672, thửa số 30991.3-4.172, tờ bản đồ 3-4, diện tích 14.978m² đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/02/2006 đứng tên hộ ông (bà) Trần Hải S và Đặng Thị L.

Chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày đến ngày 19/02/2025 là: Tiền gốc 1 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 44.688.000đ, lãi chậm trả 2.278.652đ, tổng cộng là 141.966.652đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay tín dụng số 7704LAV201905970 ngày 25/11/2019 với chị Đặng Thị L và yêu chị Đặng Thị L trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 19/02/2025 là: Tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 44.688.000đ, lãi chậm trả 2.278.652đ, tổng cộng là 141.966.652đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày trả xong nợ, đồng thời phát mãi tài sản thế chấp theo Bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm nợ vay bằng tài sản ngày 25/11/2019 gồm: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 516672, thửa số 30991.3-4.172, tờ bản đồ 3-4, diện tích 14.978m² đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/02/2006 đứng tên hộ ông (bà) Trần Hải S và Đặng Thị L, là có căn cứ chấp nhận.

Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự; Các điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận và cần buộc chị Đặng Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/02/2025 tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 44.688.000đ, lãi chậm trả 2.278.652đ, tổng cộng là 141.966.652đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) và trả lãi phát sinh thêm kể từ ngày 19/02/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn chị Đặng Thị L không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi đối với tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 516672, thửa số 30991.3-4.172, tờ bản đồ 3-4, diện tích 14.978 m² đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/02/2006 đứng tên hộ ông (bà) Trần Hải S và Đặng Thị L, là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí của vụ án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 244 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 280, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1.

Buộc chị Đặng Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền tính đến ngày 19/02/2025: Tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 44.688.000đ, lãi chậm trả 2.278.652đ, tổng cộng là 141.966.652đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) và trả lãi phát sinh thêm theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 7704LAV201905970 ngày 25/11/2019, kể từ ngày 19/02/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

Khi chị Đặng Thị L thực hiện trả xong nợ, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC 516672 do UBND huyện A cấp ngày 15/02/2026, thửa số 30991.3-4.172, tờ bản đồ 3-4, diện tích 14.978 m² đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bị đơn chị Đặng Thị L không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mãi đối với tài sản thế chấp theo Bản cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm nợ vay bằng tài sản ngày 25/11/2019 gồm: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 516672, thửa số 30991.3-4.172, tờ bản đồ 3-4, diện tích 14.978 m² đất tọa lạc tại

ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/02/2006 đứng tên hộ ông (bà) Trần Hải S và Đặng Thị L.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc chị Đặng Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $141.966.652đ \times 5\% = 7.098.332đ$, làm tròn thành 7.098.000đ (Bảy triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 2.825.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009001 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm